

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03/7/2024

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Huệ

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông Trần Văn Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu Trung tâm tại Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K (địa chỉ: khu phố 2, thị trấn T, huyện A, tỉnh K) và điểm cầu thành phần tại ấp 3, xã Đ, huyện H, thành phố H; vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 và Thông báo v/v thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/2024/TB-TĐTGMPT ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị T**, sinh năm 1993

HKTT: Ấp 9 Chợ, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 3, xã Đ, huyện H, thành phố H.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn U**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp 9 Chợ, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

(Chị T có mặt; Anh U vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:**

Do quen biết chị và anh U tiến tới hôn nhân. Vào năm 2015 chị và anh Trần Văn U có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn giấy CNKH số 24/2019 cấp ngày 19/6/2019 đăng ký tại UBND xã H, huyện N, tỉnh C. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về quan điểm sống, tính tình anh U thô lỗ, nói một đàn làm một nẻo, tuy sống bên vợ nhưng anh không tôn trọng ai, thường xuyên xúc phạm chị trước mặt cha mẹ. Tuy vậy chị cũng cố gắng nhẫn nhịn và cho nhiều cơ hội nhưng anh U không thay đổi. Chị và anh U đã ly thân từ tháng 8 năm 2023 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị quyết định ly hôn với anh U.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Phúc K, sinh ngày 12/12/2019. Hiện chị đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn U; Về con chung: Khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh U cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Văn U không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T, mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Chị T: Vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh U: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn vắng mặt không đảm bảo theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Võ Thị T được ly hôn với anh Trần Văn U. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Trần Phúc K, sinh ngày 12/12/2019 cho chị T nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do chị T không có yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, anh U không có ý kiến hay yêu cầu gì về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn U là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh đã vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh U trong vụ án này.

Chị T có đủ điều kiện tham gia phiên tòa bằng hình thức trực tuyến nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử trực tuyến.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị Võ Thị T và anh Trần Văn U là hợp pháp, được UBND xã H, huyện N, tỉnh C cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24 cấp ngày 19/6/2019. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên quen biết có tìm hiểu nhau trước khi đi đến hôn nhân. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị T nguyên nhân là do trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về quan điểm sống, tính tình anh U thô lỗ, nói một đàn làm một

nèo, tuy sống bên vợ nhưng anh U không tôn trọng ai, thường xuyên xúc phạm chị trước mặt cha mẹ. Tuy vậy chị cũng cố gắng nhẫn nhịn và cho nhiều cơ hội nhưng anh U không thay đổi. Chị và anh U đã ly thân từ tháng 8 năm 2023 đến nay.

Anh U không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như nguyên nhân mâu thuẫn mà phía chị T đưa ra. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng nhiều lần nhưng anh U bỏ mặc không có văn bản thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình. Đồng thời, anh chị đã có thời gian ly thân nhưng vẫn không thể hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị T và anh U là không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T xác định giữa chị và anh U có 01 con chung là Trần Phúc K, sinh ngày 12/12/2019. Hiện do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị T và anh U ly thân đến nay do chị T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Và theo xác nhận của ông Nguyễn Văn N - Trưởng Ấp 9 Chợ, xã Đ, huyện A xác định giữa chị T và anh U có 01 con chung là con trai, khoảng 06 tuổi hiện do chị T nuôi dưỡng. Phía anh U không có ý kiến gì về việc chị T tiếp tục nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi của con chung, Hội đồng xét xử xét cần tiếp tục giao con chung là Trần Phúc K, sinh ngày 12/12/2019 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, anh U không có ý kiến hay yêu cầu về tài sản chung cũng như nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Các Điều 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị T được ly hôn với anh Trần Văn U.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Trần Phúc K, sinh ngày 12/12/2019 cho chị Võ Thị T nuôi dưỡng. Anh U không cấp dưỡng nuôi con do Chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005190 ngày 06/3/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh K. Xem như chị T đã thi hành xong phần án phí.

5. Chị Võ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Trần Văn U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

